

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42/2009/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH
Về việc phân loại đô thị

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về việc phân loại đô thị, tổ chức lập, thẩm định đề án và quyết định công nhận loại đô thị.
2. Đối tượng áp dụng: các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến việc phân loại đô thị và phát triển đô thị trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Mục đích phân loại đô thị

Việc phân loại đô thị nhằm:

1. Tổ chức, sắp xếp và phát triển hệ thống đô thị cả nước.
2. Lập, xét duyệt quy hoạch xây dựng đô thị.
3. Nâng cao chất lượng đô thị và phát triển đô thị bền vững.
4. Xây dựng chính sách và cơ chế quản lý đô thị và phát triển đô thị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

09050214

1. Đô thị mới là đô thị dự kiến hình thành trong tương lai, được đầu tư xây dựng từng bước đạt các tiêu chuẩn của đô thị theo quy định của pháp luật.

2. Dân số đô thị là dân số thuộc ranh giới hành chính của đô thị, bao gồm: nội thành, ngoại thành; nội thị, ngoại thị và thị trấn.

3. Hệ thống công trình hạ tầng đô thị được xây dựng đồng bộ là khi hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đã được đầu tư xây dựng đạt 70% yêu cầu của đồ án quy hoạch xây dựng theo từng giai đoạn; đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định khác có liên quan.

4. Hệ thống công trình hạ tầng đô thị được xây dựng hoàn chỉnh là khi hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đã được đầu tư xây dựng đạt yêu cầu của đồ án quy hoạch xây dựng theo từng giai đoạn; đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định khác có liên quan.

5. Đô thị có tính chất đặc thù là những đô thị có những giá trị đặc biệt về di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể), lịch sử, thiên nhiên và du lịch đã được công nhận cấp quốc gia và quốc tế.

Điều 4. Phân loại đô thị

Đô thị được phân thành 6 loại như sau: loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III, loại IV và loại V được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định công nhận.

1. Đô thị loại đặc biệt là thành phố trực thuộc Trung ương có các quận nội thành, huyện ngoại thành và các đô thị trực thuộc.

2. Đô thị loại I, loại II là thành phố trực thuộc Trung ương có các quận nội thành, huyện ngoại thành và có thể có các đô thị trực thuộc; đô thị loại I, loại II là thành phố thuộc tỉnh có các phường nội thành và các xã ngoại thành.

3. Đô thị loại III là thành phố hoặc thị xã thuộc tỉnh có các phường nội thành, nội thị và các xã ngoại thành, ngoại thị.

4. Đô thị loại IV là thị xã thuộc tỉnh có các phường nội thị và các xã ngoại thị.

5. Đô thị loại IV, đô thị loại V là thị trấn thuộc huyện có các khu phố xây dựng tập trung và có thể có các điểm dân cư nông thôn.

Điều 5. Điều kiện để công nhận loại cho các đô thị điều chỉnh mở rộng địa giới và đô thị mới

1. Việc điều chỉnh mở rộng địa giới đô thị phải căn cứ vào quy hoạch xây dựng đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Các khu vực điều chỉnh mở rộng địa giới phải được đầu tư xây dựng đạt được những tiêu chuẩn cơ bản về phân loại đô thị.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân cấp tỉnh) tổ chức lập đề án điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính đô thị theo quy định hiện hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Việc công nhận loại đô thị được tiến hành sau khi có quyết định điều chỉnh mở rộng địa giới và khi đô thị đó đã đạt được các tiêu chuẩn cơ bản về phân loại đô thị.

2. Đối với khu vực dự kiến hình thành đô thị mới phải có quy hoạch xây dựng đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và đã được đầu tư xây dựng về cơ bản đạt các tiêu chuẩn phân loại đô thị.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập đề án thành lập đô thị mới theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

Việc công nhận loại đô thị được tiến hành sau khi có quyết định thành lập đô thị mới và khi đô thị đó đã đạt được các tiêu chuẩn cơ bản về phân loại đô thị.

3. Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu quản lý lãnh thổ, chủ quyền quốc gia hoặc quản lý phát triển kinh tế - xã hội, việc quyết định cấp quản lý hành chính của một khu vực có thể được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định trước khi khu vực đó được đầu tư xây dựng đạt được những tiêu chuẩn cơ bản về phân loại đô thị.

Điều 6. Các tiêu chuẩn cơ bản để phân loại đô thị

Các tiêu chuẩn cơ bản để phân loại đô thị được xem xét, đánh giá trên cơ sở hiện trạng phát triển đô thị tại năm trước liền kề năm lập đề án phân loại đô thị hoặc tại thời điểm lập đề án phân loại đô thị, bao gồm:

1. Chức năng đô thị

Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành, cấp quốc gia, cấp vùng liên tỉnh, cấp tỉnh, cấp huyện hoặc là một trung tâm của vùng trong tỉnh; có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc một vùng lãnh thổ nhất định.

2. Quy mô dân số toàn đô thị tối thiểu phải đạt 4 nghìn người trở lên.

3. Mật độ dân số phù hợp với quy mô, tính chất và đặc điểm của từng loại đô thị và được tính trong phạm vi nội thành, nội thị và khu phố xây dựng tập trung của thị trấn.

4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp được tính trong phạm vi ranh giới nội thành, nội thị, khu vực xây dựng tập trung phải đạt tối thiểu 65% so với tổng số lao động.

5. Hệ thống công trình hạ tầng đô thị gồm hệ thống công trình hạ tầng xã hội và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:

a) Đối với khu vực nội thành, nội thị phải được đầu tư xây dựng đồng bộ và có mức độ hoàn chỉnh theo từng loại đô thị;

b) Đối với khu vực ngoại thành, ngoại thị phải được đầu tư xây dựng đồng bộ mạng hạ tầng và bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường và phát triển đô thị bền vững.

6. Kiến trúc, cảnh quan đô thị: việc xây dựng phát triển đô thị phải theo quy chế quản lý kiến trúc đô thị được duyệt, có các khu đô thị kiểu mẫu, các tuyến phố văn minh đô thị, có các không gian công cộng phục vụ đời sống tinh thần của dân cư đô thị; có tổ hợp kiến trúc hoặc công trình kiến trúc tiêu biểu và phù hợp với môi trường, cảnh quan thiên nhiên.

Điều 7. Nguyên tắc đánh giá phân loại đô thị

1. Đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I hoặc loại II là thành phố trực thuộc Trung ương: các quận nội thành được xem xét, đánh giá theo tiêu chuẩn của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I hoặc loại II.

Đối với các đô thị thuộc thành phố có vị trí liền kề ranh giới nội thành được quản lý phát triển và đánh giá phân loại đô thị theo tiêu chuẩn của khu vực nội thành.

Đối với các đô thị khác thuộc thành phố được xem xét, đánh giá theo tiêu chuẩn của loại đô thị được xác định bởi quy hoạch chung đô thị và thực trạng phát triển của đô thị đó.

2. Đô thị loại I, loại II, loại III và loại IV thuộc tỉnh: các phường nội thành, nội thị được xem xét, đánh giá theo tiêu chuẩn của đô thị loại I, loại II, loại III và loại IV.

3. Đô thị loại IV và loại V thuộc huyện: các khu phố xây dựng tập trung được xem xét, đánh giá theo tiêu chuẩn của đô thị loại IV và loại V.

4. Khu vực ngoại thành, ngoại thị được đánh giá căn cứ tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 5 tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13 và 14 Nghị định này.

Điều 8. Chương trình phát triển đô thị

Để làm cơ sở cho việc đề nghị phân loại đô thị, Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ các tiêu chuẩn phân loại đô thị được quy định tại Nghị định này lập Chương trình phát triển đô thị, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển đô thị. Chương trình phát triển đô thị phải bảo đảm nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững và giữ gìn những giá trị tinh hoa, bản sắc văn hóa của mỗi đô thị.

Chương II **TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ**

Điều 9. Đô thị loại đặc biệt

1. Chức năng đô thị là Thủ đô hoặc đô thị có chức năng là trung tâm kinh tế, tài chính, hành chính, khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, du lịch, y tế, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

2. Quy mô dân số toàn đô thị từ 5 triệu người trở lên.

3. Mật độ dân số khu vực nội thành từ 15.000 người/km² trở lên.

4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tối thiểu đạt 90% so với tổng số lao động.

5. Hệ thống các công trình hạ tầng đô thị

a) Khu vực nội thành: được đầu tư xây dựng đồng bộ và cơ bản hoàn chỉnh, bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh môi trường đô thị; 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường;

b) Khu vực ngoại thành: được đầu tư xây dựng cơ bản đồng bộ mạng lưới hạ tầng và các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối phục vụ đô thị; hạn chế tối đa việc phát triển các dự án gây ô nhiễm môi trường; mạng lưới công trình hạ tầng tại các điểm dân cư nông thôn phải được đầu tư xây dựng đồng bộ; phải bảo vệ những khu vực đất đai thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp, vùng xanh phục vụ đô thị và các vùng cảnh quan sinh thái.

6. Kiến trúc, cảnh quan đô thị: thực hiện xây dựng phát triển đô thị theo quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Các khu đô thị mới phải đạt tiêu chuẩn đô thị kiểu mẫu và trên 60% các trục phố chính đô thị phải đạt tiêu chuẩn tuyến phố văn minh đô thị, có các không gian công cộng, phục vụ đời sống tinh thần nhân dân, có các tổ hợp kiến trúc hoặc công trình kiến trúc tiêu biểu mang ý nghĩa quốc tế và quốc gia.

Điều 10. Đô thị loại I

1. Chức năng đô thị

Đô thị trực thuộc Trung ương có chức năng là trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, hành chính, giáo dục - đào tạo, du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng lãnh thổ liên tỉnh hoặc của cả nước.

Đô thị trực thuộc tỉnh có chức năng là trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, hành chính, giáo dục - đào tạo, du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một hoặc một số vùng lãnh thổ liên tỉnh.

2. Quy mô dân số đô thị

a) Đô thị trực thuộc Trung ương có quy mô dân số toàn đô thị từ 1 triệu người trở lên;

b) Đô thị trực thuộc tỉnh có quy mô dân số toàn đô thị từ 500 nghìn người trở lên.

3. Mật độ dân số bình quân khu vực nội thành

a) Đô thị trực thuộc Trung ương từ 12.000 người/km² trở lên;

b) Đô thị trực thuộc tỉnh từ 10.000 người/km² trở lên.

4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành tối thiểu đạt 85% so với tổng số lao động.

5. Hệ thống các công trình hạ tầng đô thị

a) Khu vực nội thành: nhiều mặt được đầu tư xây dựng đồng bộ và cơ bản hoàn chỉnh; bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh môi trường; 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường;

b) Khu vực ngoại thành: nhiều mặt được đầu tư xây dựng đồng bộ và cơ bản hoàn chỉnh; hạn chế việc phát triển các dự án gây ô nhiễm môi trường; mạng lưới công trình hạ tầng tại các điểm dân cư nông thôn phải được đầu tư xây dựng đồng bộ; bảo vệ những khu vực đất đai thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp, vùng xanh phục vụ đô thị và các vùng cảnh quan sinh thái.

6. Kiến trúc, cảnh quan đô thị: thực hiện xây dựng phát triển đô thị theo quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Các khu đô thị mới phải đạt tiêu chuẩn đô thị kiểu mẫu và trên 50% các trục phố chính đô thị phải đạt tiêu chuẩn tuyến phố văn minh đô thị. Phải có các không gian công cộng, phục vụ đời sống tinh thần nhân dân và có các tổ hợp kiến trúc hoặc công trình kiến trúc tiêu biểu mang ý nghĩa quốc gia.

Điều 11. Đô thị loại II

1. Chức năng đô thị

Đô thị có chức năng là trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, hành chính, giáo dục - đào tạo, du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong vùng tỉnh, vùng liên tỉnh có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh hoặc một vùng lãnh thổ liên tỉnh.

Trường hợp đô thị loại II là thành phố trực thuộc Trung ương thì phải có chức năng là trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, hành chính, giáo dục - đào tạo, du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng lãnh thổ liên tỉnh hoặc một số lĩnh vực đối với cả nước.

2. Quy mô dân số toàn đô thị phải đạt từ 300 nghìn người trở lên.

Trong trường hợp đô thị loại II trực thuộc Trung ương thì quy mô dân số toàn đô thị phải đạt trên 800 nghìn người.

3. Mật độ dân số khu vực nội thành.

Đô thị trực thuộc tỉnh từ 8.000 người/km² trở lên, trường hợp đô thị trực thuộc Trung ương từ 10.000 người/km² trở lên.

4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành tối thiểu đạt 80% so với tổng số lao động.

5. Hệ thống các công trình hạ tầng đô thị

a) Khu vực nội thành: được đầu tư xây dựng đồng bộ và tiến tới cơ bản hoàn chỉnh; 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải được áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường;

b) Khu vực ngoại thành: một số mặt được đầu tư xây dựng cơ bản đồng bộ; mạng lưới công trình hạ tầng tại các điểm dân cư nông thôn cơ bản được đầu tư xây dựng; hạn chế việc phát triển các dự án gây ô nhiễm môi trường; bảo vệ những khu vực đất đai thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp, vùng xanh phục vụ đô thị và các vùng cảnh quan sinh thái.

6. Kiến trúc, cảnh quan đô thị: thực hiện xây dựng phát triển đô thị theo quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Các khu đô thị mới phải đạt tiêu chuẩn đô thị kiểu mẫu và trên 40% các trục phố chính đô thị phải đạt tiêu chuẩn tuyến phố văn minh đô thị. Phải có các không gian công cộng, phục vụ đời sống tinh thần nhân dân và có tổ hợp kiến trúc hoặc công trình kiến trúc tiêu biểu mang ý nghĩa quốc gia.

Điều 12. Đô thị loại III

1. Chức năng đô thị

Đô thị là trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, hành chính, giáo dục - đào tạo, du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong tỉnh hoặc vùng liên tỉnh. Có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng trong tỉnh, một tỉnh hoặc một số lĩnh vực đối với vùng liên tỉnh.

2. Quy mô dân số toàn đô thị từ 150 nghìn người trở lên.
3. Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị từ 6.000 người/km² trở lên.
4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị tối thiểu đạt 75% so với tổng số lao động.
5. Hệ thống các công trình hạ tầng đô thị
 - a) Khu vực nội thành: từng mặt được đầu tư xây dựng đồng bộ và tiến tới cơ bản hoàn chỉnh; 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải được áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường;
 - b) Khu vực ngoại thành: từng mặt được đầu tư xây dựng tiến tới đồng bộ; hạn chế việc phát triển các dự án gây ô nhiễm môi trường; mạng lưới công trình hạ tầng tại các điểm dân cư nông thôn cơ bản được đầu tư xây dựng; bảo vệ những khu vực đất đai thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp, vùng xanh phục vụ đô thị và các vùng cảnh quan sinh thái.
6. Kiến trúc, cảnh quan đô thị: thực hiện xây dựng phát triển đô thị theo quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Các khu đô thị mới phải đạt tiêu chuẩn đô thị kiểu mẫu và trên 40% các trục phố chính đô thị phải đạt tiêu chuẩn tuyến phố văn minh đô thị, có các không gian công cộng, phục vụ đời sống tinh thần nhân dân và có công trình kiến trúc tiêu biểu mang ý nghĩa vùng hoặc quốc gia.

Điều 13. Đô thị loại IV

1. Chức năng đô thị

Đô thị là trung tâm kinh tế, văn hoá, hành chính, khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu của một vùng trong tỉnh hoặc một tỉnh. Có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng trong tỉnh hoặc một số lĩnh vực đối với một tỉnh.
2. Quy mô dân số toàn đô thị từ 50 nghìn người trở lên.
3. Mật độ dân số khu vực nội thị từ 4.000 người/km² trở lên.
4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị tối thiểu đạt 70% so với tổng số lao động.
5. Hệ thống các công trình hạ tầng đô thị
 - a) Khu vực nội thành: đã hoặc đang được xây dựng từng mặt tiến tới đồng bộ và hoàn chỉnh; các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải được áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường;
 - b) Khu vực ngoại thành: từng mặt đang được đầu tư xây dựng tiến tới đồng bộ; phải bảo vệ những khu vực đất đai thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp, vùng xanh phục vụ đô thị và các vùng cảnh quan sinh thái.
6. Kiến trúc, cảnh quan đô thị: từng bước thực hiện xây dựng phát triển đô thị theo quy chế quản lý kiến trúc đô thị.

Điều 14. Đô thị loại V

1. Chức năng đô thị

Đô thị là trung tâm tổng hợp hoặc chuyên ngành về kinh tế, hành chính, văn hoá, giáo dục - đào tạo, du lịch, dịch vụ có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện hoặc một cụm xã.

2. Quy mô dân số toàn đô thị từ 4 nghìn người trở lên.

3. Mật độ dân số bình quân từ 2.000 người/km² trở lên.

4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tại các khu phố xây dựng tối thiểu đạt 65% so với tổng số lao động.

5. Hệ thống các công trình hạ tầng đô thị: từng mặt đã hoặc đang được xây dựng tiến tới đồng bộ, các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải được áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường.

6. Kiến trúc, cảnh quan đô thị: từng bước thực hiện xây dựng phát triển đô thị theo quy chế quản lý kiến trúc đô thị.

Điều 15. Tiêu chuẩn phân loại đô thị áp dụng cho một số đô thị theo vùng miền

Các đô thị ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo thì quy mô dân số và mật độ dân số có thể thấp hơn, nhưng tối thiểu phải đạt 50% tiêu chuẩn quy định, các tiêu chuẩn khác phải bảo đảm tối thiểu 70% mức tiêu chuẩn quy định so với các loại đô thị tương đương.

Điều 16. Tiêu chuẩn phân loại đô thị áp dụng cho một số đô thị có tính chất đặc thù

Các đô thị được xác định là đô thị đặc thù thì tiêu chuẩn về quy mô dân số và mật độ dân số có thể thấp hơn, nhưng tối thiểu phải đạt 60% tiêu chuẩn quy định, các tiêu chuẩn khác phải đạt quy định so với các loại đô thị tương đương và bảo đảm phù hợp với tính chất đặc thù của mỗi đô thị.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN LOẠI ĐÔ THỊ VÀ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Điều 17. Trình tự lập, thẩm định đề án phân loại đô thị và quyết định công nhận loại đô thị

1. Đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I, đô thị loại II trực thuộc Trung ương và đô thị có tính chất đặc thù: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập đề án phân loại đô thị; trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Xây dựng tổ chức thẩm định đề án trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Đô thị loại I, loại II thuộc tỉnh: Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức lập đề án phân loại đô thị trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Xây dựng tổ chức thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Đô thị loại III và đô thị loại IV: Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức lập đề án phân loại đô thị trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình Bộ Xây dựng.

Bộ Xây dựng xem xét, tổ chức thẩm định và quyết định công nhận đô thị loại III và đô thị loại IV.

Điều 18. Lập, thẩm định và quyết định công nhận đô thị hình thành mới

1. Công nhận loại đô thị mới: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập đề án công nhận loại đô thị mới khi đô thị đó đã được đầu tư xây dựng cơ bản đạt các tiêu chuẩn về phân loại đô thị, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

Bộ Xây dựng tổ chức thẩm định và có văn bản chấp thuận để làm cơ sở cho việc lập đề án thành lập đô thị mới trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định loại đô thị của đô thị đó.

2. Công nhận đô thị loại V: Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập đề án phân loại đô thị.

Sở Xây dựng thẩm định để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi xem xét, quyết định.

Điều 19. Lập, phê duyệt Chương trình phát triển đô thị

1. Ủy ban nhân dân các thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi quyết định.

2. Ủy ban nhân dân các thành phố, thị xã thuộc tỉnh tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập Chương trình phát triển các đô thị và các điểm dân cư có xu hướng đô thị hóa chuẩn bị lên đô thị loại V thuộc phạm vi quản lý hành chính của mình trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

4. Các dự án đầu tư xây dựng phát triển trên địa bàn đô thị phải tuân thủ Chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 20. Vốn cho công tác phân loại đô thị và Chương trình phát triển đô thị

1. Vốn để thực hiện công tác phân loại đô thị và Chương trình phát triển đô thị được sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế từ ngân sách nhà nước giao trong kế hoạch hàng năm cho địa phương.

2. Kinh phí để thực hiện công tác phân loại đô thị và Chương trình phát triển đô thị gồm:

a) Khảo sát, thu thập tài liệu phục vụ công tác lập đề án phân loại đô thị và Chương trình phát triển đô thị;

b) Lập, thẩm định, phê duyệt đề án phân loại đô thị và Chương trình phát triển đô thị;

c) Tổ chức công bố quyết định công nhận loại đô thị.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm lập kế hoạch vốn cho công tác phân loại đô thị, Chương trình phát triển đô thị trong địa giới hành chính do mình quản lý, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo quy định hiện hành.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cân đối ngân sách hàng năm từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế cho công tác phân loại đô thị, Chương trình phát triển đô thị của các địa phương theo quy định hiện hành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các đô thị đã có quyết định công nhận loại đô thị từ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì vẫn được giữ nguyên loại đô thị hiện có mà không phải làm thủ tục công nhận lại.

2. Căn cứ tiêu chuẩn phân loại đô thị được quy định tại Nghị định này, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức rà soát hiện trạng phát triển đô thị, đánh giá những mặt còn tồn tại, lập Chương trình phát triển đô thị, tiếp tục đầu tư xây dựng để đô thị đạt được các tiêu chuẩn phân loại đô thị được quy định tại Nghị định này.

Điều 22. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phân loại đô thị

1. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm trước Chính phủ và thống nhất quản lý nhà nước về phân loại đô thị trên phạm vi cả nước.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý nhà nước về phân loại đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

Điều 23. Kiểm tra công tác phân loại đô thị và Chương trình phát triển đô thị

1. Bộ Xây dựng định kỳ hàng năm kiểm tra tình hình phân loại đô thị của các đô thị trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính định kỳ hàng năm kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình phát triển đô thị trong phạm vi cả nước.

Điều 24. Báo cáo công tác phân loại đô thị và Chương trình phát triển đô thị

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

1. Báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình phân loại đô thị của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo định kỳ hàng năm và kết thúc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm.

2. Báo cáo Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về tình hình thực hiện Chương trình phát triển đô thị của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo định kỳ hàng năm và kết thúc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Nghị định này thay thế Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2009.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

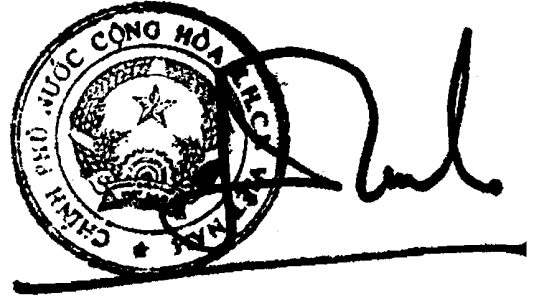
1. Bộ Xây dựng phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b) **A 490**

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG.



Nguyễn Tấn Dũng